

Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của khách hàng cá nhân vay tiêu dùng tại Agribank huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang

NGÔ THỊ KIỀU*
NGUYỄN THANH THIÊN**

Tóm tắt

Thông qua khảo sát 250 khách hàng cá nhân vay tiêu dùng tại Agribank huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang, kết quả nghiên cứu cho thấy, các yếu tố ảnh hưởng đến Khả năng trả nợ của khách hàng bao gồm: Trình độ học vấn; Quy mô khoản vay; Mục đích sử dụng vốn; Lịch sử tín dụng; Nơi làm việc; Số người trong gia đình; Thu nhập và Khoản vay. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, bài viết đưa ra những đề xuất làm tăng khả năng trả nợ đúng hạn của khách hàng vay tiêu dùng tại Agribank huyện U Minh Thượng.

Từ khóa: khả năng trả nợ, khách hàng cá nhân, vay tiêu dùng, Agribank huyện U Minh Thượng - Kiên Giang

Summary

Through a survey of 250 individuals getting consumer loans at Agribank U Minh Thuong district - Kien Giang, the research points out several factors affecting their ability to repay consumer loans, which are Education level; Loan amount; Purpose of using capital; Credit history; Workplace; Number of people in the family; Income and Other loans. Based on the research result, suggestions are made to increase the ability to repay loans on time of consumer at Agribank U Minh Thuong district.

Keywords: ability to repay loans, individual customers, consumer loans, Agribank U Minh Thuong district - Kien Giang

GIỚI THIỆU

Hoạt động tín dụng là một trong những hoạt động kinh doanh tiền tệ của ngân hàng mang lại lợi nhuận chủ yếu trong hoạt động ngân hàng. Đây cũng là hoạt động tiềm ẩn nhiều rủi ro mà ngân hàng cần đặc biệt lưu tâm. Muốn tồn tại và đứng vững trên thị trường, ngân hàng phải đảm bảo hoạt động vừa an toàn vừa hiệu quả. Có thể nói, năm vừa qua, Agribank huyện U Minh Thượng đã có nhiều biến động cả về quy mô và mạng lưới..., rất nhiều thách thức đã đặt ra cho Chi nhánh. Ngân hàng không duy trì được mức tăng trưởng tín dụng đi kèm với chất lượng tín dụng ngày càng xấu đi, huy động vốn là vấn đề khó khăn, chưa

thấy sự khả quan so với với các năm trước. Chính vì thế, việc tìm ra các giải pháp để hạn chế rủi ro tín dụng luôn là vấn đề rất quan trọng của Agribank huyện U Minh Thượng.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

Cơ sở lý thuyết

Khái niệm cho vay tiêu dùng

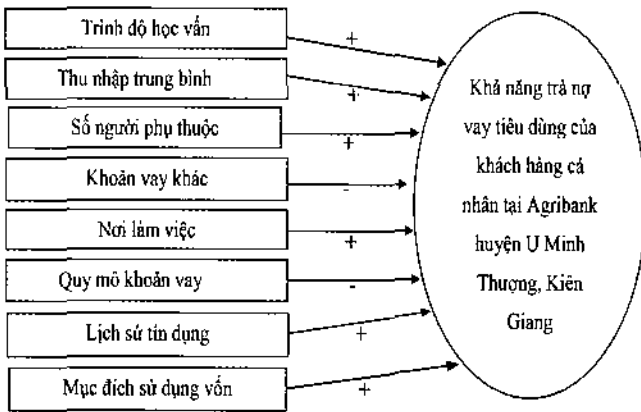
Việc cho vay tiêu dùng của các ngân hàng, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô, được gọi là “cho vay phục vụ nhu cầu đời sống” và được giải thích là việc tổ chức tín dụng cho vay đối với khách hàng là cá nhân để thanh toán các chi phí cho mục đích tiêu dùng, sinh hoạt của cá nhân và gia đình của cá nhân đó (Khoản 6, Điều 3, Nghị định số 39/2014/NĐ-CP, ngày 07/5/2014 về hoạt động của công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính và Khoản 4, Điều 2, Thông tư số 39/2016/TT-NHNN,

* Học viên Cao học Trường Đại học Tây Đô

** ThS., Kho bạc nhà nước Cần Thơ

Ngày nhận bài: 13/7/2022; Ngày phản biện: 05/8/2022; Ngày duyệt đăng: 15/8/2022

HÌNH: MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT



Nguồn: Đề xuất của nhóm tác giả

ngày 30/12/2016 về việc cho vay của tổ chức tín dụng), sở dĩ dùng từ khác nhau là vì từ “tiêu dùng” chỉ được Luật Các tổ chức tín dụng nhắc đến trong hoạt động của công ty tài chính (Điểm d, Khoản 1, Điều 108, Luật các tổ chức tín dụng năm 2010). Việc cho vay tiêu dùng của các công ty tài chính còn thực hiện theo quy định về hoạt động cho vay phục vụ nhu cầu đời sống của tổ chức tín dụng (Khoản 1, Điều 4, Thông tư số 43/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 quy định cho vay tiêu dùng của công ty tài chính).

Cho vay tiêu dùng là một trong những bộ phận của tín dụng ngân hàng nói chung, nên cũng có những đặc trưng của tín dụng ngân hàng, ngoài ra còn có những đặc điểm riêng, như: Đối tượng khách hàng vay là cá nhân và hộ gia đình; Mục đích vay nhằm phục vụ nhu cầu tiêu dùng của cá nhân, hộ gia đình; Nguồn trả nợ của khoản vay tiêu dùng thường từ tiền lương hàng tháng, kinh doanh cá thể của khách hàng, không nhất thiết phải là kết quả của việc sử dụng vốn vay, nên đòi hỏi nguồn trả nợ phải mang tính ổn định, thường xuyên; Là hình thức bán lẻ, giá trị của các khoản vay thường nhỏ, số lượng lớn dẫn đến chi phí khoản vay cao. Do vậy, lãi suất khoản vay tiêu dùng thường cao hơn lãi suất các khoản vay thương mại.

Nguyên tắc của cho vay tiêu dùng

Như đã nêu trên, cho vay tiêu dùng là một bộ phận của tín dụng ngân hàng nói chung, nên tất nhiên có những nguyên tắc như tín dụng ngân hàng:

Một là, tín dụng có hoàn trả vốn và lãi sau một thời gian nhất định. Đây là nguyên tắc đảm bảo thực chất của tín dụng. Tính chất tín dụng sẽ bị phá vỡ nếu nguyên tắc này không được thực hiện đầy đủ. Chủ thể khi vay vốn phải cam kết trả đủ vốn và lãi sau một thời gian nhất định, cam kết này được ghi trong khế ước vay nợ hoặc hợp đồng tín dụng.

Hai là, tín dụng có giá trị tương đương làm đảm bảo. Giá trị đảm bảo là cơ sở của khả năng trả nợ, là cơ sở hạn chế rủi ro trong hoạt động tín dụng, là điều kiện để thực hiện nguyên tắc thứ nhất trong nhiều trường hợp khác nhau.

Ba là, tín dụng có mục đích, theo kế hoạch thỏa thuận từ trước (theo hợp đồng đã ký kết). Quan hệ tín

dụng phản ánh nhu cầu về vốn và lợi nhuận của các doanh nghiệp, của khách hàng. Nó liên quan chặt chẽ tới quá trình sản xuất, kinh doanh, làm dịch vụ của các doanh nghiệp, hay tiêu dùng cá nhân, song lại mang tính thỏa thuận rất lớn. Do đó, nó phải được pháp luật bảo hộ.

Mô hình nghiên cứu

Dựa trên các nghiên cứu trước đó, như: Trương Đông Lộc và Nguyễn Thanh Bình (2011); Nguyễn Quốc Nghi (2010, 2012); Mohammed và cộng sự (2018), Anigbogu và cộng sự (2019), cùng với đặc thù hoạt động vay tiêu dùng của khách hàng cá nhân tại Agribank huyện U Minh Thượng, Kiên Giang, nhóm tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu như Hình. Các biến và kỳ vọng trong mô hình nghiên cứu được tác giả đề xuất và tổng hợp như Bảng 1.

Phương pháp nghiên cứu

Để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của khách hàng tại Ngân hàng Agribank huyện U Minh Thượng, nhóm tác giả sử dụng mô hình Binary Logistic để phân tích số liệu.

Nhằm đảm bảo cho tính đại diện của mẫu tổng thể trong nghiên cứu và đảm bảo độ tin cậy của nghiên cứu sử dụng 250 hồ sơ được thống kê sẵn tại Ngân hàng. Trong 250 khách hàng khảo sát, thì có 112 khách hàng làm việc tại các đơn vị nhà nước (chiếm tỷ trọng 44,8%), còn lại là 138 khách hàng làm việc ngoài nhà nước (chiếm tỷ trọng 55,2%).

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Kết quả phân tích hồi quy bằng mô hình Binary Logistic thu được thể hiện ở Bảng 2.

Trước khi ước lượng mô hình thực nghiệm về các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ vay của khách hàng tại Agribank huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang, các kiểm định đa cộng tuyến, phương sai sai số thay đổi đã được phát hiện và khắc phục nhằm kiểm tra độ tin cậy của mô hình. Kết quả kiểm định cho thấy, hệ số VIF cao nhất là $1,34 < 2$, do đó không có hiện tượng đa cộng tuyến.

Hiện tượng phương sai sai số thay đổi được thực hiện bằng cách kiểm định Breusch-Pagan. Kết quả kiểm định cho thấy, giá trị kiểm định $\chi^2(1) = 19,91$ và $Prob > \chi^2 = 0,0000 < 1\%$, bác bỏ giả thuyết H_0 ở mức ý nghĩa 1% cho rằng phương sai đồng nhất. Hay nói cách khác, có xảy ra hiện tượng phương sai sai số

thay đổi, khắc phục hiện tượng phương sai sai số thay đổi bằng mô hình sai số chuẩn mạnh (Robust Standard errors) trong ước lượng.

Ta được kết quả mô hình nghiên cứu như sau:

$$Y = -4,341 + 0,019X1 + 0,001X2 - 0,168X3 + 0,093X4 - 0,007X5 + 0,514X6 + 0,416X7$$

Kết quả ước lượng cho thấy, giá trị kiểm định Pro > chi2 = 0,000 cho phép ta bác bỏ giả thuyết H0 ở mức ý nghĩa 1%, có nghĩa là các yếu tố trong mô hình có thể được sử dụng để giải thích cho khả năng trả nợ vay của khách hàng tại Ngân hàng Agribank huyện U Minh Thượng. Phần trăm dự báo trúng của mô hình là 83,04%, cho thấy mô hình là phù hợp và khả năng dự báo của mô hình là khá tốt, với hơn 83% trường hợp được dự báo đúng.

Kết quả ước lượng mô hình Binary Logistic cho thấy, có 4 biến có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 1%, bao gồm: Trình độ học vấn; Quy mô khoản vay; Mục đích sử dụng vốn; Lịch sử tín dụng. Trong đó, 3 biến có mối tương quan thuận với Khả năng trả nợ vay của khách hàng tại Ngân hàng, còn lại 1 biến có tương quan nghịch là Quy mô khoản vay.

Đối với mức ý nghĩa 5% có 2 biến là: Thu nhập và Khoản vay khác; trong đó, Khoản vay khác có mối tương quan nghịch chiều với Khả năng trả nợ của ngân hàng. Biến cuối cùng có ý nghĩa thống kê đó là Nơi làm việc có tương quan thuận chiều ở mức ý nghĩa 10%.

Trình độ học vấn của người đi vay có tác động tích cực đến Khả năng trả nợ vay của họ ở mức ý nghĩa 1%. Nếu số năm đi học tăng thêm 1 năm, thì làm gia tăng khả năng trả nợ vay ngân hàng thêm 1,9%. Hay nói cách khác, trình độ học vấn của người đi vay càng cao, khả năng sử dụng vốn trong sản xuất, kinh doanh sẽ càng hiệu quả và mang lại thu nhập cao hơn; còn nếu vay tiêu dùng, thì họ cũng có công việc ổn định, nguồn thu nhập cao và bền vững. Do đó, khi chủ hộ có trình độ học vấn càng cao, thì khả năng trả nợ đúng hạn càng cao. Chính vì thế, Ngân hàng ưu tiên xem xét yếu tố này khi quyết định cho vay.

Quy mô vay có tác động nghịch chiều đến Khả năng trả nợ vay của họ ở mức ý nghĩa 1%. Hay nói cách khác, khi các yếu tố khác không đổi, thì người vay với giá trị vốn vay ít đi, sẽ làm gia tăng khả

BẢNG 1: CÁC BIẾN VÀ KỶ VỌNG TRONG MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT

STT	Biến độc lập	Diễn giải	Thang đo	Kỳ vọng
1	Trình độ học vấn	Số năm đi học	Năm	+
2	Thu nhập	Triệu đồng/năm	Triệu đồng	+
3	Số người phụ thuộc trong gia đình	Số người không tạo ra thu nhập trong gia đình của người vay vốn.	Tỷ lệ	+
4	Khoản vay khác	Biến nhận giá trị 1 người vay có các khoản nợ khác, và nhận giá trị 0 nếu ngược lại	Biến giả	-
5	Nơi làm việc	Biến có giá trị: 1 khi khách hàng là công nhân viên chức nhà nước; 0 nếu khách hàng làm công việc khác	Biến giả	+
6	Quy mô khoản vay	Giá trị của khoản vay	Triệu đồng	-
7	Mục đích sử dụng vốn	Biến có giá trị là: 1 khi sử dụng đúng mục đích đăng ký vay vốn; 0 khi sử dụng sai mục đích đăng ký vay vốn	Biến giả	+
8	Lịch sử tín dụng	Biến có giá trị là: 1 khi khách hàng không có nợ cần chú ý trong 12 tháng gần nhất, nợ xấu trong 5 năm gần nhất; 0 khi xảy ra các trường hợp khác	Biến giả	+

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

BẢNG 2: CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KHẢ NĂNG TRẢ NỢ VAY CỦA KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN TẠI NGÂN HÀNG AGRIBANK HUYỆN U MINH THƯỢNG

Tên biến	Hệ số ước lượng	Sai số chuẩn	Tác động biên
Trình độ học vấn	0,198***	0,072	0,019
Thu nhập	0,014**	0,006	0,001
Số người phụ thuộc trong gia đình	0,876	1,326	0,083
Khoản vay khác	-1,378**	0,609	-0,168
Nơi làm việc	0,005*	0,519	0,093
Quy mô khoản vay	-0,071***	0,023	-0,007
Mục đích sử dụng vốn	2,897***	0,529	0,514
Lịch sử tín dụng	2,694***	0,508	0,416
Hằng số	-4,341**	1,844	
Hệ số Log like hood			-58,38
Xác suất dự báo trúng			83,04%
Tổng số quan sát			250

Ghi chú: *** Mức ý nghĩa 1%, ** tương ứng 5%, * tương ứng 10%.

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

năng trả nợ của họ hơn; xét ở tác động biên, nếu quy mô vay giảm 1 triệu đồng, sẽ làm gia tăng khả năng trả nợ vay ngân hàng thêm 0,7%.

Mục đích vay vốn của khách hàng có tương quan thuận với Khả năng trả nợ vay của họ ở mức ý nghĩa 1%. Kết quả nghiên cứu cho thấy, nếu các yếu tố khác không đổi, khi khách hàng vay vốn sử dụng đúng mục đích ban đầu, thì khả năng trả nợ tăng thêm.

Lịch sử tín dụng có tác động tích cực đến Khả năng trả nợ vay của khách hàng ở mức ý nghĩa 1%. Có nghĩa là, khi khách hàng vay vốn có lịch sử tín dụng tốt, thì khả năng trả nợ của khách hàng đó sẽ tăng lên. Điều này hoàn toàn hợp lý, đây là một căn cứ để đảm bảo tốt

hơn cho khoản vay lần tiếp theo, hơn là những khách hàng vay từng có nợ xấu.

Thu nhập có tác động cùng chiều đến Khả năng trả nợ vay của khách hàng ở mức ý nghĩa thống kê 5%. Điều đó có nghĩa là, khi khách hàng vay có thu nhập cao, thì khả năng trả nợ của họ sẽ tăng cao; xét đến tác động biên, khi thu nhập tăng 1 triệu đồng, thì khả năng trả nợ sẽ tăng 0,1%.

Khoản vay khác có tác động nghịch chiều đến Khả năng trả nợ vay của họ ở mức ý nghĩa 5%. Hay nói cách khác, khi các yếu tố khác không đổi, thì khách hàng có thêm 1 khoản vay khác nữa sẽ làm giảm khả năng trả nợ của họ hơn.

Nơi làm việc có tác động cùng chiều đến Khả năng trả nợ vay tại ngân hàng, với mức ý nghĩa thống kê 10%. Điều đó có nghĩa là, khi khách hàng vay là người làm việc tại một cơ quan nhà nước, thì khả năng được trả được nợ cao hơn khách hàng khác, vì công việc và mức lương của khách hàng luôn ổn định, ít biến động trong thời gian dài.

Ngoài ra, kết quả nghiên cứu còn chỉ ra rằng, Số người phụ thuộc trong gia đình không có ý nghĩa thống kê đến Khả năng trả nợ vay của khách hàng.

KẾT LUẬN VÀ MỘT SỐ ĐỀ XUẤT

Kết luận

Thông qua việc ứng dụng mô hình logit, nghiên cứu đã xác định các yếu tố ảnh hưởng đến Khả năng trả nợ vay của khách hàng tiêu dùng tại Agribank Huyện U Minh Thượng. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 7/8 biến độc lập có ảnh hưởng với mức ý nghĩa thống kê từ 1% đến 10% lần lượt. Có 4 biến có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 1%, bao gồm: Trình độ học vấn; Quy mô khoản vay; Mục đích sử dụng vốn; Lịch sử tín dụng. Trong đó, 3 biến có mối tương quan thuận với Khả năng trả nợ vay của khách hàng tại Ngân hàng, còn 1 biến có tương quan nghịch là Quy mô khoản vay.

Đề xuất một số giải pháp

Từ kết quả nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến Khả

năng trả nợ vay của khách hàng cá nhân tại Ngân hàng, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp sau:

Một là, xây dựng các gói sản phẩm tín dụng riêng biệt theo từng đối tượng khách hàng. Ngân hàng nên cân nhắc ưu tiên phát triển mảng cho vay tiêu dùng và kiểm tra mục đích. Xây dựng các gói tín dụng ưu đãi dành cho các khách hàng vay vốn tiêu dùng.

Hai là, hoàn thiện chính sách tín dụng. Ngân hàng nên quy định các điều kiện khác nhau đối với từng đối tượng khách hàng khi vay vốn.

Ba là, xếp hạng tín dụng đối với khách hàng cá nhân. Xây dựng và áp dụng chương trình xếp hạng tín dụng nội bộ dành riêng cho khách hàng cá nhân.

Bốn là, phát triển hệ thống công nghệ thông tin. Theo đó, cần xây dựng kho dữ liệu thông tin khách hàng, giúp các cán bộ sau có thể dễ dàng cập nhật thông tin khách hàng, hoặc các chi nhánh quan hệ sau cũng có thể dễ dàng có được thông tin khách hàng một cách nhanh chóng và chính xác.

Năm là, chấp hành nghiêm quy chế tín dụng, quy chế cho vay. Theo đó, kiểm tra trước khi cho vay, nhằm thu thập thông tin để thẩm định một cách toàn diện dự án vay vốn, cũng như về khách hàng vay.

Sáu là, xây dựng chính sách tuyển dụng, nâng cao chất lượng đào tạo chuyên môn nghiệp vụ. Muốn hạn chế rủi ro, Ngân hàng phải thật chú trọng đến đội ngũ cán bộ làm công tác tín dụng, đội ngũ cán bộ này ngoài yêu cầu chung là phải có trình độ nghiệp vụ giỏi còn đòi hỏi có phẩm chất đạo đức tốt. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Khương Ninh (2020). *Kinh tế học ứng dụng trong tài chính vi mô*, Nxb Giáo dục Việt Nam
2. Nguyễn Đình Thọ (2020). *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*, Nxb Lao động - Xã hội
3. Trương Đông Lộc và Nguyễn Thanh Bình (2011). Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ vay đúng hạn của nông hộ ở tỉnh Hậu Giang, *Tạp chí Công nghệ Ngân hàng*, số 64, 3-7
4. Nguyễn Quốc Nghi (2010). Các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu vay vốn của sinh viên trên địa bàn TP. Cần Thơ, *Tạp chí Công nghệ Ngân hàng*, số 53
5. Nguyễn Quốc Nghi (2012). Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ đúng hạn của hộ gia đình ở khu vực nông thôn tỉnh Trà Vinh, *Tạp chí Khoa học & Đào tạo Ngân hàng*, 120
6. Anigbogu et al. (2019). Determinants of Loan Repayment among Cooperative Farmers in Awka North L.G.A of Anambra State, Nigeria, *European Scientific Journal*, 10(22), 168-190
7. Mohammed and ctg (2018). Factors affecting repayment performance in microfinance banks in Yemen: The case of Alkuraimi Islamic microfinance bank, *International Journal of Economics, Commerce and Management*, VI(2)